

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2021/DSST

Ngày: 08/6/2021

V/v tranh chấp: HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Kim N

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Trần Thị Thiều Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị V – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Bích Ng, sinh năm 1964

Địa chỉ thường trú: 261 đường BC, P 12, Q TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

Ông Huỳnh Thanh C, sinh năm 1998 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2020)

Địa chỉ liên hệ: 200/9 đường H, phường T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Bà Hồng Mỹ X, sinh năm 1967

Địa chỉ thường trú: Số X đường Y, phường TT, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

Bà Hồng N, sinh năm 1958 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020)

Địa chỉ thường trú: Số X đường Y, phường TT, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ông Huỳnh Thanh C và bà Hồng N cùng có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2020 cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

- Ông Huỳnh Thanh C là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phùng Thị Bích Ng trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Ng có cho bà Hồng Mỹ X vay tiền nhiều lần, các lần vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/11/2012 bà Ng cho bà X vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng.

- Ngày 25/11/2012 bà Ng cho bà X vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng.

- Ngày 29/11/2012 bà Ng cho bà X vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi.

- Ngày 28/12/2012 bà Ng cho bà X vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng.

- Ngày 18/01/2013 bà Ng cho bà X vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi.

- Ngày 23/01/2013 bà Ng cho bà X vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi.

Trong tất cả các lần vay tiền, trên các giấy vay tiền đều không ghi thời hạn trả nợ. Từ khi vay đến nay, bà X không trả lãi vốn cho bà Ng. Nay, đại diện bà Ng, ông yêu cầu bà X hoàn trả Ngy cho bà Ng số tiền vốn vay là 1.850.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/01/2013 đến ngày 23/4/2020 là 1.591.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 3.441.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 12/4/2021 và biên bản hòa giải ngày 19/5/2021, ông C đại diện nguyên đơn bà Ng chỉ yêu cầu bị đơn bà X thanh toán số tiền vốn vay là 1.850.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng). Ông C đại diện bà Ng xin rút yêu cầu tính lãi với số tiền lãi là 1.591.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm chín mươi một triệu đồng).

Bà Ng chỉ yêu cầu cá nhân bà X thanh toán nợ vì từ trước đến nay bà X là người độc thân, không có chồng con.

*\* Bà Hồng N là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn bà Hồng Mỹ X trình bày:*

Bà xác nhận bà Hồng Mỹ X có vay số tiền 1.850.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng) của bà Ng như đại diện bà Ng trình bày. Số tiền vay này bà X đã hoàn trả xong lãi và vốn cho bà Ng. Tuy nhiên, do bà X không thu hồi lại các giấy nợ trên nên nay bà Ng khởi kiện thì bà X không có chứng cứ chứng minh việc bà X đã trả hoàn tất số tiền vốn vay lại cho bà Ng. Do đó,

theo yêu cầu của bà Ng, bà đại diện bà X đồng ý bà X sẽ trả cho bà Ng số tiền vốn vay là 1.850.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng). Bà N yêu cầu bà Ng cho bà X thời hạn một năm để bà X thu xếp trả nợ cho bà Ng.

Vụ án đã được tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các giấy vay nợ và lời thừa nhận của các bên, có cơ sở xác định bà X có vay của bà Ng số tiền 1.850.000.000 đồng. Bà X khai đã trả cho bà Ng số tiền trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, do đó việc bà Ng yêu cầu bà X trả số tiền 1.850.000.000 đồng là có cơ sở. Do bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay, mặc dù bà Ng đã nhiều lần nhắc nhở và có thông báo thu hồi nợ nhưng bà X vẫn cố tình trốn tránh là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Bà N đại diện bà X yêu cầu thời hạn một năm để bà X sắp xếp trả tiền cho bà Ng, tuy nhiên việc này không được bà Ng chấp nhận, bà Ng yêu cầu bà X phải trả Ngay nên không có cơ sở xem xét đối với yêu cầu của bà X.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và ngày 10/6/2020 bà Ng yêu cầu bà X trả tiền lãi 1% từ ngày 23/01/2013 đến thời điểm khởi kiện là 86 tháng với số tiền là 1.591.000.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 24/4/2020 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, bà Ng đã có đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà X trả số tiền gốc là 1.850.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Xét việc rút yêu cầu của bà Ng là tự nguyện, có lợi cho phía bị đơn nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc 1.850.000.000 đồng và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hồng Mỹ X có nơi cư trú tại Số X đường Y, phường TT, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thanh C đại diện nguyên đơn bà Phùng Thị Bích Ng và Hồng N đại diện bị đơn bà Hồng Mỹ X cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét qua yêu cầu của bà Phùng Thị Bích Ng yêu cầu Hồng Mỹ X trả số tiền 1.850.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng) Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các giấy vay nợ và lời thừa nhận của các bên, có cơ sở xác định bà X có vay của bà Ng tổng số tiền là 1.850.000.000 đồng. Bà N đại diện bà X trình bày bà X đã trả cho bà Ng số tiền trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Đồng thời, bà N cũng đồng ý bà X sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Ng số tiền trên, do đó việc bà Ng yêu cầu bà X trả số tiền 1.850.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bà N đại diện bà X yêu cầu thời hạn một năm để bà X sắp xếp trả tiền cho bà Ng, tuy nhiên việc này không được bà Ng chấp nhận, bà Ng yêu cầu bà X phải trả Ngay nên không có cơ sở xem xét đối với yêu cầu của bà X. Mặc dù bà Ng đã nhiều lần nhắc nhở và có thông báo thu hồi nợ nhưng bà X vẫn cố tình trốn tránh, vi phạm thời hạn thanh toán, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu của bà Ng buộc bà X trả tiền Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và ngày 10/6/2020 bà Ng yêu cầu bà X trả tiền lãi 1%/tháng từ ngày 23/01/2013 đến thời điểm khởi kiện là 86 tháng với số tiền là 1.591.000.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 24/4/2020 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, bà Ng đã có đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà X trả số tiền gốc là 1.850.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Về yêu cầu của bà Ng xin rút yêu cầu tính lãi, xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, việc rút yêu cầu tính lãi của bà Ng là có lợi cho phía bị đơn nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Hồng Mỹ X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Phùng Thị Bích Ng không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Bích Ng đối với bà Hồng Mỹ X.

Buộc bà Hồng Mỹ X có trách nhiệm trả cho bà Phùng Thị Bích Ng số tiền còn nợ là 1.850.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng), thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đôi bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Phùng Thị Bích Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồng Mỹ X chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà X còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phùng Thị Bích Ng về việc yêu cầu bà Hồng Mỹ X trả số tiền lãi là 1.591.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm chín mươi một triệu đồng).

3. Về án phí:

Bà Hồng Mỹ X chịu 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phùng Thị Bích Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.410.000 đồng (năm mươi triệu, bốn trăm mười ngàn đồng) theo biên lai số 0061319 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Bà Ng, bà X vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lưu Kim N**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Kim N**











4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

